TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2021.
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Hoàng Phúc

2.Bà Nguyễn Thị Sương.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên Tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 377/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Đào Thanh Tâm, sinh năm: 1993
Nơi cư trú: Tổ 8, thôn 2B, xã H, huyện Đ, tỉnh B.

2.*Bị đơn:* Trần Minh Triều, sinh năm: 1992
Nơi cư trú: Tổ 4, thôn 2A, xã H, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/12/2020, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, biên bản tự khai, biên bản không hòa giải được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn Đào Thanh T trình bày: Chị và anh X tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2012, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hà. Sau khi kết hôn thì anh chị về nhà cha mẹ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh X ham

chơi, không lo cho gia đình, ngoài ra anh X còn nghiện ma túy đá. Hiện nay anh chị đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Triều, chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

-Về con chung: anh chị có 01 con chung

+Trần Minh A , sinh năm: 04/01/2013

Hiện nay con (Thiện) đang ở cùng chị, khi ly hôn chị có nguyên vọng nuôi con, không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về phía bị đơn: Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh X không chấp hành nên Tòa án không thể lấy lời khai, cũng như tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ, xác định đúng quan hệ pháp luật, lập và gửi các văn bản đúng quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy mà HĐXX, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử nên cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, cháu (Thiện) hiện nay đang ở với chị T và đã có lời khai có nguyện vọng ở với mẹ. Chị T có sức khỏe tốt, có công việc và thu nhập ổn định, mặt khác chị T có nguyện vọng được nuôi con.Vì vậy Hội đồng xét xử nên giao con cho chị T được quyền trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đào Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn có trong hồ sơ và kết quả xác minh của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 Tòa án xác định đây là vụ án: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đào Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/12/2020. Hội đồng xét xử xét thấy rằng nội dung và hình thức của đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và có đủ căn cứ chứng minh vào thời gian này, bị đơn có mặt tại tổ 4, thôn 2A, xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh X biết chị T khởi kiện ly hôn nhưng anh cố tình không có mặt theo sự triệu tập của Tòa. Chứng tỏ anh X đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn Trần Minh X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[4]Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Chị Đào Thanh T và anh Trần Minh X có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2012 tại UBND xã Đông Hà. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh chị tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, làm cho tình cảm vợ chồng sứt mẻ. Thấy rằng, lời khai của chị T là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh X nữa và cương quyết ly hôn. Tòa án cũng đã kiên trì triệu tập anh X nhiều lần nhằm mục đích hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh X không chấp hành. Thấy rằng anh X không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa nên đã bỏ mặc cho chị T khởi kiện ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và cháu A . Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là đúng theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[5]Về con chung: Xét thấy chị T là người có sức khỏe, có tư cách đạo đức tốt, có nghề nghiệp thu nhập ổn định. Cháu Trần Minh A , sinh ngày 04/01/2013 hiện đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Chị T lại có nguyện vọng trực tiếp được yêu cầu nuôi con. Vì vậy Hội xét xử quyết định giao con A cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quyền thăm nom con: Để bảo đảm quyền lợi cho các cháu được phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nhận được tình yêu thương đầy đủ từ cả cha lẫn mẹ, cần xem xét tuyên quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi chị T ly hôn với anh Triều. Anh Trần Minh X phải chấp hành đúng quy định về việc thăm nom con tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6]Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Trần Minh X phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử không phải xem xét trong bản án này.

[7]Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không phải xem xét trong bản án này.

[8]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết về án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì chị T là người khởi kiện ly hôn nên chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[9] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp vợi nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56; khoản 2, Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Đào Thanh Tâm:

1/ Về hôn nhân: Chị Đào Thanh T ly hôn anh Trần Minh Triều.

2/ Về con chung:

Giao cho chị Đào Thanh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Trần Minh A , sinh ngày: 04/01/2013

Anh Trần Minh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Đào Thanh T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Minh X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3/Về án phí DSST: Chị Đào Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai

số 0003933 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

4/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *Thi hành án DS huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;.*
- *UBND xã Đông Hà.*
- *Lưu hồ sơ, quyết định./.*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH
T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Thuận